

Vietnam Monthly Review

2020 M2

BSC Research

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11, Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Hồ Chí Minh

Tầng 9, 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3812 8885

Fax: +84 8 3812 8510

Kinh tế vĩ mô

- Chỉ số PMI giảm trở lại mức 49 giảm so với mức 50.6 của tháng trước, và thấp hơn mức trung bình của năm 2019 là 51.5 điểm.
- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 2/2020 ước tính đạt 414.1 nghìn tỷ đồng, giảm 7.9% so với tháng trước và tăng 6% so với cùng kỳ năm trước.
- FDI đăng ký tăng đạt mức 5.64 tỷ tăng 70.9% so với cùng kỳ năm trước trong khi vốn FDI giải ngân đạt mức 0.9 tỷ giảm 12.6% so với năm ngoái.
- Tỷ giá liên ngân hàng trong tháng 02 dao động trong khoảng 23,190 – 23,350 USD/VND, tăng so với biên độ 23,180 – 23,230 USD/VND trong tháng 01. Lãi suất liên ngân hàng ngắn hạn tăng vào đầu tháng trước khi giảm mạnh. Lãi suất liên ngân hàng trung hạn tiếp tục giảm trong tháng 02.

Thị trường chứng khoán

- Tính đến ngày 28/02/2020, VN-Index chính thức giảm -54.4 điểm so với thời điểm cuối tháng trước (-6.2% MoM) và HNX-Index tăng +7.22 điểm (+7.0% MoM).
- Thanh khoản bình quân trên 2 sàn tăng 15.8% so với tháng 01/2019, và đạt mức 4,793 tỷ đồng/phiên và tương ứng với gần 206.9 triệu USD/phiên..
- Khối ngoại quay trở lại bán ròng trong tháng 2. Khối ngoại bán ròng -2,813 tỷ đồng và -242 tỷ đồng trên sàn HNX.
- P/E của VN-Index giảm xuống mức 13.73 tương ứng -8.1% MoM và HNX-Index tăng trở lại mức 7.87 tương ứng +9.0% MoM. So với tháng 01, P/E của chỉ số VN-Index giảm xuống vị trí thứ 14 và HNX-Index giữ ở vị trí thứ 20 trong khu vực Châu Á.

Nhận định thị trường tháng 3

Dù diễn biến dịch bệnh phức tạp và khó lường, VN-Index nói chung và các cổ phiếu nói riêng đang có dấu hiệu bán quá bởi yếu tố tâm lý. Dựa vào lịch sử TTCK phản ứng với diễn biến dịch bệnh trong quá khứ ([Link](#)), cần nhắc các yếu tố nội tại kinh tế và thị trường, chúng tôi giữ quan điểm cho rằng đợt giảm điểm này đang mở ra cơ hội lớn với hoạt động đầu tư trung hạn. Thông tin hỗ trợ chính sách nếu có sẽ quyết định cường độ và cao độ của đợt hồi phục. Vùng vận động giá VN-Index tháng 12 từ 860 điểm - 970 điểm. BSC đưa ra 2 kịch bản tháng 3 như sau:

- Trường hợp tích cực, VN-Index phục hồi sau đợt bán tháo, tích lũy trên 925 điểm và có thể tăng dần trên 950 vào cuối tháng khi có thông tin hỗ trợ.
- Trường hợp tiêu cực, VN-Index có thể đóng cửa dưới 873 điểm nếu diễn biến dịch bệnh tiêu cực và áp lực tiếp tục thoái vốn từ khối ngoại.
- Cổ phiếu khuyến nghị:**
 - Nhóm ngành và cổ phiếu được chúng tôi đánh giá khả quan trong Báo cáo triển vọng Ngành năm 2020 ([Link](#)), Triển vọng ngành Ngân hàng ([Link](#));
 - Nhóm cổ phiếu cải thiện mạnh và có triển vọng tích cực như Ngân hàng, Bán lẻ, công nghệ thông tin – bưu chính viễn thông;
 - Nhóm cổ phiếu hưởng lợi từ dịch bệnh như Y tế, Dược;
 - Các cổ phiếu Tiềm ích, cổ phiếu có tính phòng thủ cao và trả cổ tức cao
 - Về dài hạn, các cổ phiếu khuyến nghị của BSC sẽ được đề cập trong các Báo cáo triển vọng Ngành năm 2020, các cổ phiếu có chuyển biến tốt được khuyến nghị trong Báo cáo TVĐT hàng tuần ([Link](#)) và Báo cáo cập nhật ngành/doanh nghiệp ([link](#)).

Danh mục-Invest:

18/21 danh mục Chủ đề có hiệu suất tháng tốt hơn VNINDEX. Danh mục Cổ phiếu đầu ngành tài chính có mức hiệu suất tháng ấn tượng 1.0%, con số này của VNINDEX là -8.1% (xem chi tiết tại trang 23)

Bức tranh vĩ mô tháng 2/2020

Tăng trưởng kinh tế

- Chỉ số PMI giảm trở lại mức 49.9 giảm so với mức 50.6 của tháng trước, và thấp hơn mức trung bình của năm 2019 là 51.5 điểm.

Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 2/2020 ước tính tăng 8.4% so với tháng trước và giảm 23.7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành khai khoáng tăng 9.2%; chế biến, chế tạo tăng 26.4%; sản xuất và phân phối điện tăng 22.5%; cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 8.3%.

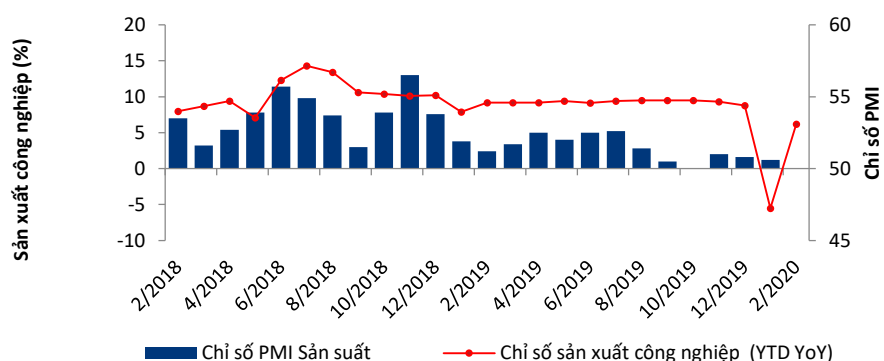
Trong các ngành công nghiệp cấp II, top 3 ngành có chỉ số sản xuất tháng 02 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: công nghiệp chế biến, chế tạo khác tăng 118.1%; khai thác than cứng và than non 46.6%; sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học tăng 37.5%

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 2/2020 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: linh kiện điện thoại tăng 112.4%; than đá tăng 46.2%; bột ngọt tăng 42%.

Sản xuất công nghiệp tháng 2/2020 ước tính tăng 8.4% so với cùng kỳ năm trước, do số ngày sản xuất trong tháng Hai năm nay nhiều hơn. Tuy vậy, Covid-19 đã tác động tiêu cực khá mạnh đến hoạt động sản xuất công nghiệp nên tính chung 2 tháng đầu năm 2020, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp chỉ tăng 6.2% so với cùng kỳ năm trước

Đồ thị 1

Chỉ số sản xuất công nghiệp & PMI



Nguồn: GSO, Markit, BSC Research

Chỉ số PMI giảm trở lại mức 49.9 giảm so với mức 50.6 của tháng trước, và thấp hơn mức trung bình của năm 2019 là 51.5 điểm. Dữ liệu mới nhất báo hiệu việc suy giảm các điều kiện sản xuất kinh doanh – lần đầu tiên kể từ 11/2015:

- Sản lượng sản xuất giảm nhanh nhất kể từ 06/2013

- Đặt hàng mới giảm lần đầu kể từ 11/2015, một phần bởi doanh thu xuất khẩu mới suy giảm.
- Nhu cầu tiêu dùng suy yếu, dẫn tới việc giảm hoạt động mua hàng của doanh nghiệp (trong đó hàng hóa tiêu dùng cùng hàng hóa trung gian tác động lớn nhất)
- Tác động tiêu cực của dịch bệnh đối với chuỗi cung ứng dẫn tới khan hiếm hàng hóa đầu vào tăng gánh nặng chi phí sản xuất. Đồng thời, nhu cầu tiêu dùng suy yếu, giá cả đầu ra phải duy trì tại mức thấp.
- Trong tình hình như vậy, triển vọng kinh doanh một năm tới vẫn tích cực dựa trên kỳ vọng hồi phục nhu cầu tiêu dùng.

Bên cạnh đó, chỉ số PMI của Trung Quốc suy giảm từ mức 51.1 xuống mức 40.3 – mức thấp nhất kể từ 04/2004 – báo hiệu suy giảm trở lại của các điều kiện sản xuất kinh doanh, lần đầu kể từ 07/2019. Các nỗ lực ngăn chặn bùng phát dịch COVID19 trong Trung Quốc tác động tiêu cực khu vực sản xuất. Sản lượng, đặt hàng mới, cùng nhân công giảm mạnh. Tuy vậy, triển vọng kinh doanh tích cực nhất trong năm năm trở lại đây, cùng kỳ vọng hồi phục sản xuất một khi các lệnh cấm liên quan tới dịch được gỡ bỏ. Đồng thời, họ cũng kỳ vọng chính phủ thúc đẩy các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, cùng các chính sách tài khóa, và tiền tệ khác.

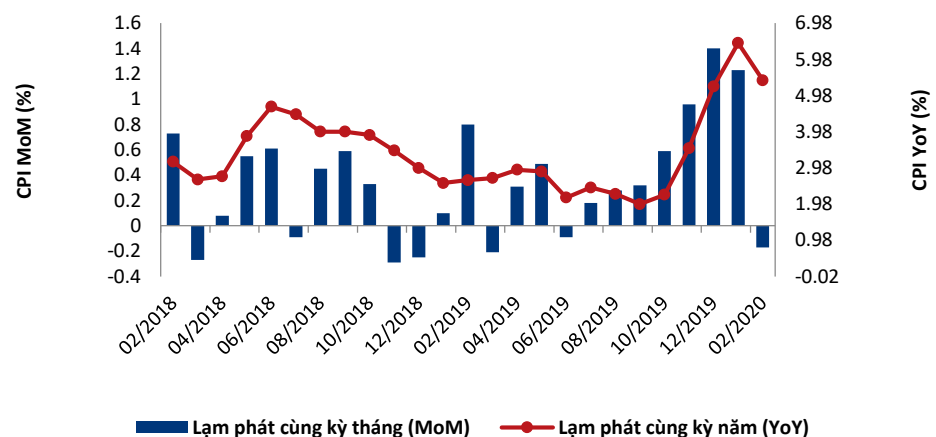
Lạm phát

- CPI tháng 02 giảm 0.17% so với tháng 01 chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ giảm sau nghỉ Tết, và tác động tiêu cực từ Covid-19.

Chỉ số giá tiêu dùng CPI của tháng 02 giảm 0.17% so với tháng trước, và tăng 5.4% so với cùng kỳ năm 2019. Lạm phát cơ bản tháng 02/2020 tăng 0.17% so với tháng trước và tăng 2.94% so với cùng kỳ năm trước.

Đồ thị 2

Diễn biến CPI tháng



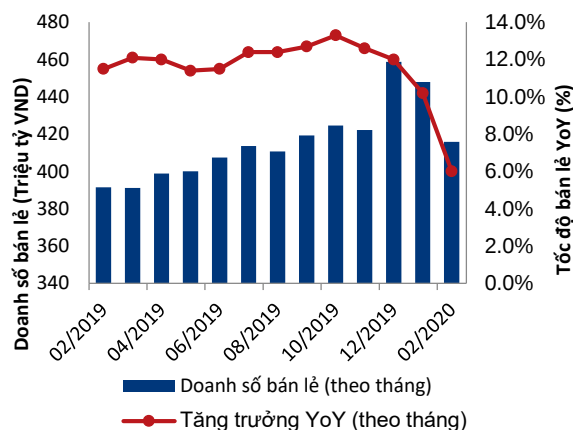
Nguồn: GSO, BSC Research

Trong tháng 02, chỉ số giá của 6/11 nhóm hàng hóa và dịch vụ ghi nhận giảm giá so với tháng trước. Biến động của CPI trong tháng được gây ra bởi những nguyên nhân sau:

- **Nhóm giao thông giảm 2.5%** chủ yếu do tác động của điều chỉnh giảm giá xăng, dầu vào thời điểm 14/2/2020 làm chỉ số giá xăng, dầu giảm 5.2% (tác động làm CPI chung giảm 0.22%), đồng thời giá vé một số phương tiện giao thông điều chỉnh giảm sau Tết Nguyên đán (giá vé ô tô khách giảm 0.21%; giá vé tàu hỏa giảm 8.93%);
- **Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch giảm 0.43%** chủ yếu do nhu cầu đi lại, du lịch, lễ chùa đầu xuân giảm mạnh;
- **Nhóm đồ uống và thuốc lá giảm 0.28%**

Đồ thị 3

Doanh số bán lẻ



Nguồn: GSO, BSC Research

Bảng 1: Tăng/giảm CPI các nhóm hàng hóa dịch vụ trong tháng

TT	Nhóm hàng hóa, dịch vụ	So với tháng trước (điểm %)	So với cùng kỳ (điểm %)
1	Hàng ăn và dịch vụ ăn	0.26	9.32
2	Đồ uống và thuốc lá	-0.28	1.59
3	May mặc, mũ nón, giày	-0.13	1.17
4	Nhà ở và VLXD	-0.03	5.53
5	Thiết bị và đồ dùng gia	0.08	1.27
6	Thuốc và dịch vụ y tế	0.13	3.26
7	Giao thông	-2.5	4.64
8	Bưu chính viễn thông	-0.05	-0.66
9	Giáo dục	0.04	4.65
10	Văn hoá, giải trí và du lịch	-0.43	0.53
11	Khác	0.17	3.42

Nguồn: GSO, BSC Research

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 2/2020 ước tính đạt 414.1 nghìn tỷ đồng, giảm 7.9% so với tháng trước và tăng 6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa tháng Hai ước tính đạt 325.2 nghìn tỷ đồng, giảm 6.7% MoM và tăng 8.2% YoY.

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

- FDI đăng ký tăng đạt mức 5.64 tỷ USD tăng 70.9% so với cùng kỳ năm trước trong khi vốn FDI giải ngân đạt mức 0.9 tỷ USD giảm 12.6% so với năm ngoái.
- Vốn đầu tư nước ngoài trực tiếp tập trung vào ngành sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa, chiếm 79.9% tổng vốn đăng ký nhờ dự Nhà máy điện khí tự nhiên hóa lỏng (LNG) Bạc Liêu do Singapore đầu tư có tổng vốn đăng ký 4 tỷ USD.

Tổng vốn FDI đăng ký mới đến hết 20/02/2020 của 500 dự án (-2.7% YoY) đạt 5 tỷ USD (+104.7% YoY), cộng với 0.64 tỷ USD vốn đăng ký điều chỉnh của 151 dự

án đã cấp phép trong các năm trước. Như vậy, tổng số vốn FDI đăng ký cấp mới và vốn tăng thêm đạt 5.64 tỷ USD (+70.9% YoY).

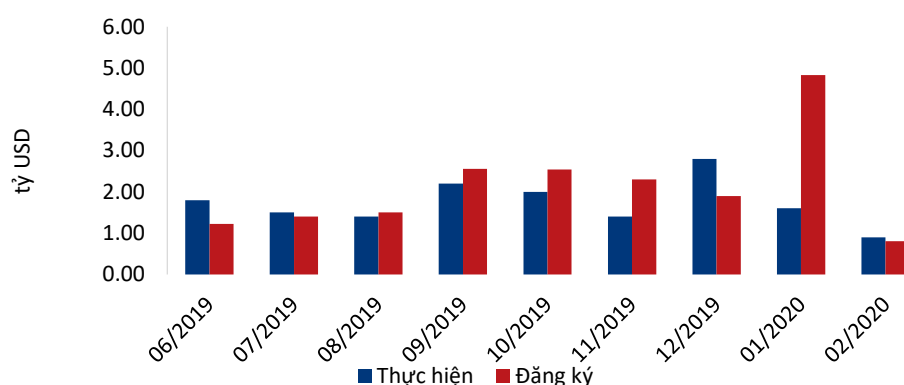
Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tháng 02 ước tính đạt 0.9 tỷ USD, giảm -12.6% so với cùng kỳ năm 2019.

Trong hai tháng đầu 2020, ngành sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa được cấp phép mới đầu tư nước ngoài lớn nhất với số vốn đăng ký đạt 4 tỷ USD, chiếm 79.9% tổng vốn đăng ký cấp mới; ngành công nghiệp chế biến chế tạo đạt 0.8 tỷ USD, chiếm 16%; các ngành còn lại đạt 0.2 tỷ USD, chiếm 4.1%.

Nếu tính cả vốn đăng ký bổ sung của các dự án đã cấp phép từ các năm trước thì vốn đầu tư nước ngoài vào ngành sản xuất, phân phối điện, khí, nước, điều hòa đạt 3.8 tỷ USD, chiếm 68.1% tổng vốn đăng ký; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 1.4 tỷ USD, chiếm 25.3%; các ngành còn lại đạt 0.4 tỷ USD, chiếm 6.6%.

Đồ thị 4

Vốn FDI (tỷ USD)



Nguồn: GSO, BSC Research

Top 3 khu vực thu hút FDI đăng ký cả nước: Bạc Liêu (4 tỷ USD – 61.8%), Tây ninh (0.5 tỷ USD – 7.5%), TP. Hồ Chí Minh (0.5 USD – 7.4%).

Trong 2 tháng đầu năm, Singapore là nhà đầu tư trực tiếp lớn nhất vào Việt Nam với số vốn đầu tư 4.12 tỷ USD, chiếm 63.7% tổng vốn đăng ký cấp mới; đứng thứ hai là Trung Quốc với 0.7 tỷ USD, chiếm 11.1% và Hàn Quốc với 0.4 tỷ USD, chiếm 6,6%.

Thương mại, Xuất nhập khẩu

- **Cán cân thương mại tháng 02 ước tính xuất siêu 100 triệu USD. Cán cân thương mại 2 tháng đầu năm 2020 ước tính nhập siêu 100 triệu USD.**

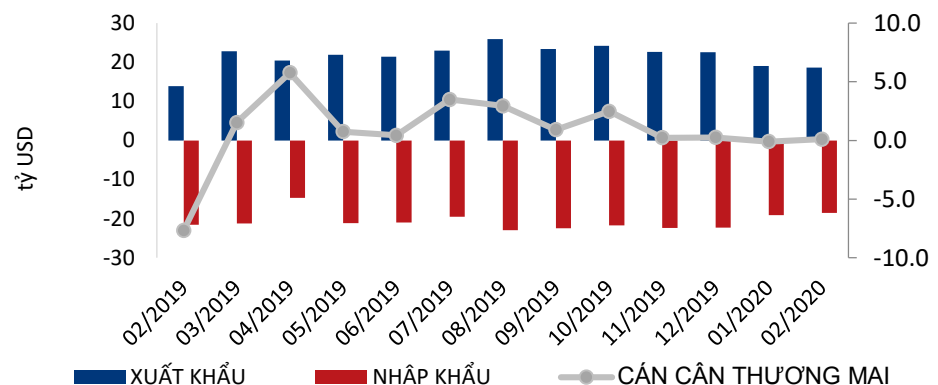
- Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 02 ước đạt 18.6 tỷ USD, tăng 1.5% so với tháng trước và 34% so với cùng kỳ 2019. Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu 2 tháng đầu năm 2020 ước đạt 36,92 tỷ USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ 2019
- Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 02 ước đạt 18.5 tỷ USD, giảm 0.5% so với tháng trước, và tăng 26% so với cùng kỳ 2019. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu 2 tháng đầu năm 2020 ước đạt 37.1 tỷ USD, tăng 2.4% so với cùng kỳ 2019.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 02 ước đạt 18.6 tỷ USD, tăng 1.5% so với tháng trước và tăng 34% so với cùng kỳ 2019, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 5.1 tỷ USD, giảm -19.6% so với tháng trước và tăng 39.7% so với cùng kỳ năm trước; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 13.5 tỷ USD, tăng 12,6% so với tháng trước, và tăng 32% so với cùng kỳ năm trước.

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu 2 tháng đầu năm 2020 ước đạt 36,92 tỷ USD, tăng 2,4% so với cùng kỳ 2019, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 11.4 tỷ USD, tăng 6% so với cùng kỳ năm trước; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 25.5 tỷ USD, tăng 0.9% so với cùng kỳ năm trước.

Đồ thị 5

Xuất nhập khẩu (tỷ USD)



Nguồn: GSO, BSC Research

Trong tháng 2/2020, so với cùng kỳ 2019, điện thoại và linh kiện điện tử nằm ở vị trí đứng đầu, đạt 4.2 tỷ USD (+21.5%). Tiếp đến, điện tử, máy tính và linh kiện tăng trưởng 52.4% đạt mức 2.7 tỷ đô. hàng dệt may ở vị trí thứ 3 đạt mức 2.1 tỷ (+57.1%).

Bảng 2

Top 10 mặt hàng xuất khẩu.

STT	Mặt hàng xuất khẩu	Kim ngạch (tỷ USD)	%So với cùng kỳ năm trước
1	Điện thoại, linh kiện	4.20	21.5%
2	Điện tử máy tính	2.70	52.4%
3	Dệt may	2.05	57.1%
4	Máy móc, thiết bị khác	1.50	58.4%
5	Giày dép	1.30	52.6%
6	PT vận tải & phụ tùng	0.70	42.6%
7	Gỗ & SP từ gỗ	0.65	62.3%
8	Thủy sản	0.42	13.1%
9	Xơ, sợi dệt các loại	0.28	3.2%
10	Cà phê	0.25	25.7%

Nguồn: GSO, BSC Research

Bảng 3

Top 10 hàng hóa nhập khẩu

STT	Mặt hàng NK	Kim ngạch (tỷ USD)	%So với cùng kỳ năm trước
1	Điện tử, máy tính	4.40	30.2%
2	Máy móc, thiết bị	2.50	19.4%
3	Điện thoại, linh kiện	1.00	50.3%
4	Vải	0.75	19.3%
5	Chất dẻo	0.68	20.8%
6	Sắt thép	0.54	-2.1%
7	SP chất dẻo	0.48	36.5%
8	Kim loại khác	0.48	25.8%
9	Ô tô	0.43	-17.5%
10	SP hóa chất	0.40	41.3%

Nguồn: GSO, BSC Research

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu tháng 02 ước đạt 18.5 tỷ USD, giảm 0.5% so với tháng trước và tăng 26% so với cùng kỳ 2019. Trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 7.45 tỷ USD, giảm 5.7% so với tháng trước và tăng 29.7% so với cùng kỳ năm trước. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 11.05 tỷ USD, tăng 3.3% so với tháng trước và tăng 23.7% so với cùng kỳ năm trước. Trong tháng 2/2020, so với cùng kỳ 2019, các mặt hàng nhập khẩu có kim ngạch lớn gồm điện tử, máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng đạt mức 2.5 tỷ USD (+19.4% YoY), điện thoại và linh kiện đạt 1 tỷ USD (+50.3% YoY).

Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu 2 tháng đầu năm 2020 ước đạt 37.1 tỷ USD, tăng 2.4% so với cùng kỳ 2019. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước ước đạt 15.4 tỷ USD, tăng 2.7% so với cùng kỳ năm trước. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 21.8 tỷ USD, tăng 2.2% so với cùng kỳ năm trước.

Mặc dù hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam đang chịu ảnh hưởng tiêu cực bởi dịch Covid-19, nhưng trong tháng 2/2020 Samsung đẩy mạnh xuất khẩu sản phẩm phiên bản mới S20 nên xuất, nhập khẩu 2 tháng đầu năm nay giữ được xu hướng tăng so với cùng kỳ năm trước

Thị trường ngoại hối

- Tỷ giá USD/VND trong tháng 02 tăng so với tháng 1 khi dòng tiền thế giới tìm về các tài sản trú ẩn như USD
- Vận động chỉ số Dollar Index tăng mạnh trong tháng 02 do mối lo ngại của các nhà đầu tư về việc dịch bệnh virus corona làm giảm tốc đà tăng trưởng kinh tế thế giới.

Tỷ giá trung tâm trong tháng 02 dao động trong khoảng 23,196 – 23,814 USD/VND, tăng so với biên độ 23,150 – 23,196 USD/VND trong tháng 01. Mức trung bình trong tháng là 23280 USD/VND. Ngày 28/02, tỷ giá đang giao dịch tại mức giá 23,224, tăng 0.29% YTD và tăng 1.38% YoY.

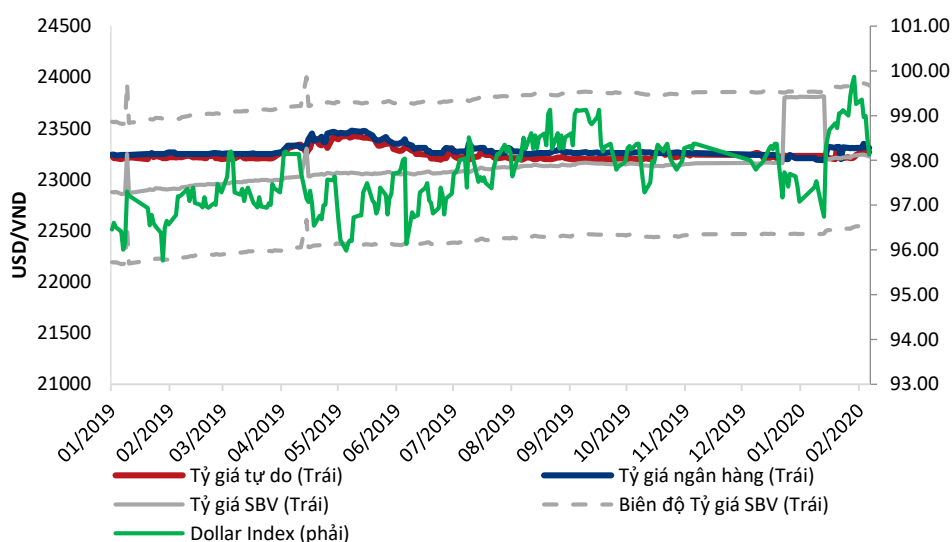
Tỷ giá liên ngân hàng trong tháng 02 dao động trong khoảng 23,190 – 23,350 USD/VND, tăng so với biên độ 23,180 – 23,230 USD/VND trong tháng 01. Mức trung bình trong tháng là 23294 USD/VND. Ngày 28/02, tỷ giá đang giao dịch tại mức giá 23,310, tăng 0.30% YTD và tăng 0.26% YoY.

Tỷ giá tự do trong tháng 02 dao động trong khoảng 23,200 – 23,320 USD/VND, tăng so với biên độ 23,190 – 23,240 USD/VND trong tháng 01. Mức tỷ giá tự do trung bình trong tháng là 23238 USD/VND. Ngày 28/02, tỷ giá đang giao dịch tại mức giá 23,270, tăng 0.04% YTD và tăng 0.22% YoY.

Chỉ số giá Dollar Index tháng 02 tăng 0.6% so với cuối tháng 01, và tăng 0.96% so với cùng kỳ năm ngoái. Chỉ số này dao động trong biên độ từ 96.7-99.9 điểm, với mức trung bình tháng đạt 98.8 điểm. Hiện tại chỉ số đạt mức 98.13 điểm.

Đồ thị 6

Diễn biến tỷ giá



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Ngân hàng - Lãi suất

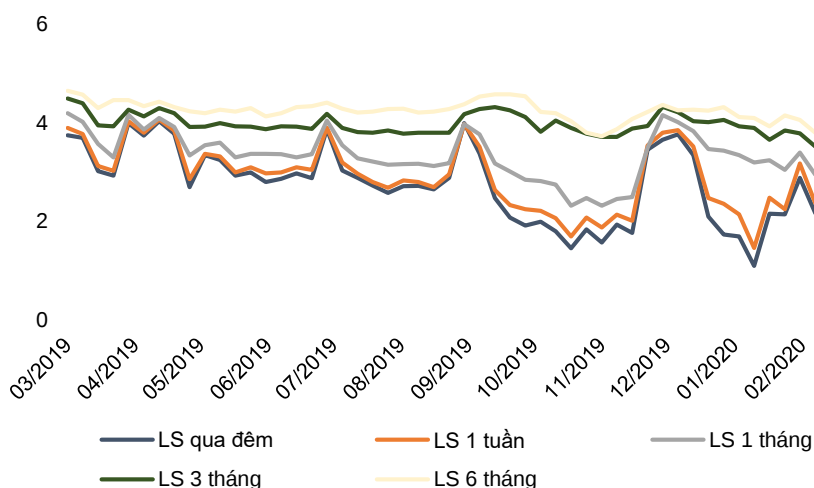
- Lãi suất liên ngân hàng tại trung hạn tiếp tục giảm. Lãi suất liên ngân hàng tại ngắn hạn tăng mạnh vào tuần đầu trước khi giảm tại các tuần kế tiếp.
- Mặt bằng lãi suất huy động và cho vay trung và dài hạn vẫn khá ổn định.

Lãi suất liên ngân hàng trung hạn tiếp tục suy giảm trong tháng, và chỉ tăng mạnh trở lại vào tuần cuối tháng 02, khi Ngân hàng Nhà nước (NHNN) ban hành văn bản 1117/NHNN-TD triển khai giải pháp hỗ trợ các bên chịu ảnh hưởng Covid-19. Lãi suất ngắn hạn tiếp tục tăng mạnh vào tuần đầu tháng khi Ngân hàng Nhà nước tăng hút ròng lên 36,000 tỷ VND qua kênh tín phiếu. Lãi suất ngắn hạn giảm mạnh trở lại vào các tuần tiếp theo, đồng thời NHNN giảm dần hoạt động hút ròng. Tại ngày 28/02, lãi suất qua đêm, 1 tuần, 1 tháng, 3 tháng, và 6 tháng lần lượt đạt 2.00%, 2.23%, 2.97%, 3.53% và 3.77%.

Mặt bằng lãi suất huy động VND phổ biến ở mức 0.2-0.8%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 4.3-5.0%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 5.3-7.0%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn trên 12 tháng ở mức 6.6-7.5%/năm. Trong khi đó, mặt bằng lãi suất cho vay VND phổ biến ở mức 6.0-9.0%/năm đối với ngắn hạn; 9.0-11%/năm đối với trung và dài hạn.

Đồ thị 7

Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, BSC Research.

Dự báo vĩ mô tháng 03/2020

Xét trên bình diện quốc tế, kinh tế vĩ mô tháng 03/2020 của Việt Nam có thể bị ảnh hưởng bởi một số tác động sau:

- 1. Cuộc họp chính sách tiền tệ của FED (19/03):** Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ khả năng hạ lãi suất 0.25% xuống 1.25-1.75% trong cuộc họp chính sách tới. Theo FedWatch Tool của tập đoàn CME, FED gần như chắc chắn sẽ hạ lãi suất trong cuộc họp trung tuần tháng 03. Vận động thị trường cho thấy, FED còn có thể hạ lãi suất thêm một lần trong cuộc họp cuối tháng 07. Dịch COVID19 lây lan mạnh tới các nước ngoài Trung Quốc, tác động tiêu cực tâm lý thị trường. Lợi suất tín phiếu chính phủ Hoa Kỳ kỳ

hạn hai năm giảm xuống 0.88% – thấp nhất kể từ cuối 2016. VIX Index – chỉ báo biến động thị trường – tăng lên 42.6 điểm hôm 28/02, cao nhất kể từ 2011 (đỉnh điểm khủng hoảng nợ công Châu Âu). Chủ tịch Jerome Powell cho biết FED sẽ hành động phù hợp để đối phó với tác động của dịch. “Hành động phù hợp” từng được sử dụng vào 06/2019, trước giai đoạn cắt giảm lãi suất của FED. Tuy nhiên, ông cũng ghi nhận vĩ mô tại Hoa Kỳ cơ bản ổn định. Các chỉ báo vĩ mô cho thấy kinh tế nước này tiếp tục phát triển tích cực. Thất nghiệp được duy trì tại mức thấp 3.6%. Lạm phát tăng 0.1% trong tháng 01, giảm so với mức 0.2% trong tháng 12. So với cùng kỳ năm 2019, lạm phát tăng 2.5% trong tháng 01, tăng so với mức 2.3% trong tháng 12. So với cùng kỳ năm 2019, chỉ số giá tiêu dùng cá nhân (PCE) cơ bản tăng 0.1% trong tháng 01, giảm so với mức 0.2% trong tháng 12. So với cùng kỳ, PCE cơ bản tăng 1.6% trong tháng 01, tương đương mức tăng trong tháng 12, duy trì gần mức mục tiêu 2%. Cùng với đó, doanh số bán lẻ tăng 0.3% trong tháng 01, tăng so với mức 0.2% của tháng 12. So với cùng kỳ, doanh số bán lẻ tăng 4.4% trong tháng 01, giảm so với mức 5.5% trong tháng 12. Tiêu dùng cá nhân tăng 0.2% trong tháng 01, giảm so với mức 0.4% trong tháng 12. Chỉ số PMI sản xuất giảm xuống 50.8 trong tháng 02 từ mức 51.9 trong tháng 01, mức tăng trưởng chậm nhất trong bốn tháng qua, giữ mức tăng vừa phải. Chỉ số PMI dịch vụ giảm xuống 49.4 trong tháng 02 từ mức 53.4 trong tháng 01, báo hiệu suy giảm hoạt động kinh doanh trong khu vực này lần đầu tiên từ tháng 10/2013. Như vậy, tiêu dùng tiếp tục là trụ đỡ đối với nền kinh tế Hoa Kỳ. Tuy vậy, khu vực sản xuất cho thấy dấu hiệu kém tích cực. Sự suy yếu của khu vực này có thể lan tới các khu vực kinh tế khác, nếu diễn biến dịch tiến triển theo hướng tiêu cực. FED có thể giảm lãi suất trong cuộc họp chính sách tới.

- 2. Cuộc họp chính sách của ECB (12/03):** Ngân hàng Trung ương Châu Âu khả năng cao tiếp tục duy trì lãi suất tại mức -0.5% trong cuộc họp chính sách tới. Liên quan tới vấn đề cắt giảm lãi suất nhằm ứng phó với ảnh hưởng của dịch COVID19, chủ tịch Christine Lagarde cho biết cơ quan này tiếp tục theo dõi khả năng dịch sẽ tạo ra một cú sốc kéo dài đối với vĩ mô khu vực. Tuy vậy, khả năng này chưa cao theo bà chủ tịch. Cùng với đó, chủ tịch Bundesbank Jens Weidmann nhận định việc đối phó với dịch bệnh chưa cần tới hoạt động điều hành tức thì. Vận động thị trường cũng cho thấy, ECB có thể chưa hạ lãi suất trong cuộc họp trung tuần tháng 03, mà sẽ đợi tới cuộc họp đầu tháng 06. Đây là điều có thể hiểu được khi dự địa điều hành của ECB còn rất hạn chế. Nhưng nhìn chung, ECB tiếp tục nói lỏng hỗ trợ sự hồi phục của khu vực sản xuất, đặc biệt khi dịch COVID19 tác động tiêu cực tới chuỗi cung ứng toàn cầu. Chỉ số PMI sản xuất của EU tiếp tục nằm dưới ngưỡng tăng trưởng trong tháng thứ mười ba liên tiếp, phục hồi lên mức 49.1 trong tháng 02, từ mức 47.9 của tháng 01. Đây là mức giảm thấp nhất trong mười hai tháng qua. Cũng như vậy, chỉ số PMI sản xuất của Đức tiếp tục nằm dưới ngưỡng tăng trưởng trong tháng thứ mười bốn liên tiếp, phục hồi lên mức 47.8 trong tháng 02, từ mức 45.3 của tháng 01. Lạm phát của EU tăng 1.4% trong tháng 01, tăng so với mức tăng 1.3%

trong tháng 12. Tuy vậy, lạm phát cơ bản của khu vực này lại chỉ tăng 1.1% trong tháng 1, giảm nhẹ so với mức tăng 1.3% trong tháng 12. Như vậy khu vực sản xuất tiếp tục cho thấy dấu hiệu phục hồi. Đây có thể là lý do cơ quan điều hành tiền tệ khu vực này chưa đưa ra tín hiệu về cắt giảm lãi suất trong tương lai gần. Tuy vậy, nếu diễn biến dịch trở nên tiêu cực ECB có thể phải cân nhắc tới việc giảm lãi suất trong cuộc họp cuối tháng 04 hoặc cuộc họp trung tuần tháng 06.

- 3. Dịch COVID19 và PBOC (20/03):** Tính tới ngày 01/03, 86,992 ca mắc bệnh COVID19 được xác nhận bởi các nhà chức trách, cùng với 2,979 ca tử vong. Diễn biến tiêu cực của bệnh dịch này đã tác động mạnh tới thị trường tại chính nhiều nước, đặc biệt khi dịch cho thấy dấu hiệu lây nhanh trên diện rộng. Lượng người nhiễm bệnh mới tăng trở lại trong những ngày gần đây khi dịch bùng phát tại các nước ngoài Trung Quốc. Hàn Quốc, Italy, và Iran lần lượt ghi nhận 3,526, 1,128, và 593 ca mắc bệnh, cùng với 17, 29, và 6 ca tử vong. Dù đã được phép trở lại hoạt động, chỉ 30 % doanh nghiệp vừa và nhỏ tại Trung Quốc khôi phục sản xuất, theo dữ liệu chính thức của chính phủ nước này. Doanh nghiệp vừa và nhỏ tạo công ăn việc làm cho hơn 80% lao động, đồng thời đóng góp hơn 60% GDP. Điều này sẽ tạo áp lực cắt giảm lãi suất đối với ngân hàng trung ương nước này, dù giai đoạn qua, họ cũng đã đưa ra một loạt các biện pháp hỗ trợ mạnh. PBOC cam kết đảm bảo thanh khoản bằng việc giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc. Bên cạnh việc giảm 0.1% lãi suất cơ bản (loan prime rate), PBOC cũng vừa bơm thêm 500 tỷ CNY (tương đương 71.3 tỷ USD) cho các ngân hàng để gia hạn nợ, hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ sau khi bơm 300 tỷ CNY cho các doanh nghiệp sản xuất vật tư y tế. Các chỉ báo vĩ mô bắt đầu cho thấy kinh tế nước này diễn biến tiêu cực trong hai tháng qua. Chỉ số PMI của tổng cục thống kê nước này giảm mạnh xuống 35.7 trong tháng 02, từ mức 50 của tháng 01. Đặt hàng mới giảm xuống 29.3, đặt hàng xuất khẩu giảm xuống 28.7. Sản lượng sản xuất lùi về 27.8. Đồng thời, triển vọng kinh doanh giảm xuống 41.8. Với các chỉ số vĩ mô yếu kém như vậy, PBOC có khả năng tiếp tục cắt giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc và cắt giảm lãi suất cho vay một lần nữa trong cuộc họp sắp tới.

Đối với tình hình trong nước, các tiêu điểm trong tháng 03/2020 bao gồm những vấn đề sau:

- 1. Thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh, cập nhật kịch bản tăng trưởng và các giải pháp chỉ đạo điều hành, thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế – xã hội năm 2020 trước ảnh hưởng COVID19.** Tại thông báo số 52/TB-VPCP và 66/TB-VPCP, Thủ tướng yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương cần chủ động cập nhật tình hình dịch bệnh, chủ động thực hiện hoặc đề xuất các giải pháp đột phá phù hợp với các kịch bản có thể xảy ra của dịch bệnh, phấn đấu quyết liệt để đạt mục tiêu nhiệm vụ năm 2020 đã phê duyệt. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Giao thông vận tải

khẩn trương đề xuất, trình Thủ tướng Chính phủ các gói chính sách hỗ trợ về tín dụng, thuế, xuất khẩu và mở rộng thị trường nội địa, kể cả các giải pháp theo quy định phải báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc Quốc hội nếu thấy thực sự cần thiết. Các ngành, địa phương tăng cường chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, giữ vững ổn định và phát triển sản xuất, dịch vụ. Thực hiện Nghị quyết số 11/NQ-CP, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành văn bản số 1117/NHNN-TD đề nghị các tổ chức tín dụng xem xét, chủ động nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh, rà soát, đánh giá mức độ thiệt hại, ảnh hưởng của khách hàng đang vay vốn do dịch Covid - 19 để thực hiện: Cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi vay, tạm thời giữ nguyên nhóm nợ cho khách hàng đối với các khoản nợ bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 và có dư nợ gốc và/hoặc lãi đến kỳ hạn trả nợ trong khoảng thời gian từ ngày 23/01/2020 và đến ngày 31/3/2020, cho đến khi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư hướng dẫn về vấn đề này; Cho vay mới đối với khách hàng theo quy định để ổn định sản xuất kinh doanh.

2. **Tổ chức tài chính vi mô được mở thêm tài khoản chi tiết.** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư 31/2019/TT-NHNN về việc quy định hệ thống tài khoản kế toán áp dụng cho tổ chức tài chính vi mô. Theo đó, tổ chức tài chính vi mô được mở thêm các tài khoản cấp 4 và cấp 5 đối với một số loại tài khoản về tiền mặt, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước, các khoản đầu tư, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, các khoản nợ chờ xử lý... Việc hạch toán trên các tài khoản này được tiến hành theo phương pháp ghi sổ kép (Nợ - Có). Việc mở các tài khoản chi tiết nói trên phải bảo đảm ghi chép, theo dõi và lưu trữ thông tin chi tiết theo từng đối tượng kế toán và xử lý hạch toán các nghiệp vụ phát sinh theo đúng quy định của chuẩn mực và chế độ kế toán. Ngoài ra, tổ chức tài chính vi mô cũng cần lập và gửi các loại báo cáo chi tiết về từng đối tượng kế toán theo đúng quy định của Nhà nước và Ngân hàng Nhà nước. Thông tư có hiệu lực từ ngày 01/3/2020.
3. **Các loại tổ chức tín dụng không thực hiện dự trữ bắt buộc.** Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư 30/2019/TT-NHNN quy định về thực hiện dự trữ bắt buộc của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, 03 loại tổ chức tín dụng không thực hiện dự trữ bắt buộc là: Tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt; Tổ chức tín dụng chưa khai trương hoạt động; Tổ chức tín dụng được chấp thuận giải thể hoặc có quyết định mở thủ tục phá sản hoặc có quyết định thu hồi Giấy phép của cơ quan có thẩm quyền. Thông tư cũng quy định, trong thời hạn 3 ngày làm việc đầu tháng, tổ chức tín dụng có trách nhiệm báo cáo số dư bình quân tiền gửi phải tính dự trữ bắt buộc trong kỳ xác định dự trữ bắt buộc để làm cơ sở tính toán dự trữ bắt buộc của kỳ duy trì dự trữ bắt buộc. Đối với tổ chức tín dụng thuộc loại hình được áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc mức 0% đối với tất cả các loại tiền gửi phải tính dự trữ bắt buộc, không phải gửi báo cáo theo quy định trên trong các kỳ duy trì dự trữ bắt buộc.

áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc 0%. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/3/2020.

4. Tổ chức tín dụng phải đối chiếu biến động hợp đồng bảo hiểm ít nhất 01 lần/tháng. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư 37/2019/TT-NHNN quy định về việc hướng dẫn hoạt động đại lý bảo hiểm của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cho doanh nghiệp bảo hiểm. Theo đó, ít nhất mỗi tháng một lần theo thỏa thuận tại hợp đồng đại lý bảo hiểm, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có trách nhiệm phối hợp với doanh nghiệp bảo hiểm đối chiếu thông tin về hợp đồng bảo hiểm mới, doanh thu phí bảo hiểm, biến động hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực, thông tin liên quan đến hoạt động thu xếp giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm do tổ chức tín dụng thực hiện. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 02/03/2020. Bên cạnh đó, việc cung cấp thông tin khách hàng phải phù hợp với quy định của pháp luật về giữ bí mật. Thông tư cũng quy định, tổ chức tín dụng có các nghĩa vụ của đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và các nghĩa vụ sau:

- Thứ nhất, giải thích cho khách hàng các sản phẩm bảo hiểm được phân phối thông qua tổ chức tín dụng không phải là sản phẩm của tổ chức tín dụng.
- Thứ hai, thanh toán toàn bộ phí bảo hiểm thu được cho doanh nghiệp bảo hiểm sau khi trừ đi hoa hồng đại lý bảo hiểm, các khoản chi trả quyền lợi bảo hiểm và các khoản thanh toán khác theo thỏa thuận tại hợp đồng đại lý bảo hiểm....

5. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Công Thương. Theo đó, Chính phủ bổ sung nhiều điều kiện mới đối với cơ sở sản xuất thực phẩm đó là: Khu vực sản xuất, chế biến, bao gói, vận chuyển, bảo quản, kinh doanh thực phẩm phải vệ sinh sạch sẽ; Có khu vực lưu mẫu riêng, hồ sơ lưu mẫu và bảo đảm thực hiện chế độ lưu, hủy mẫu theo yêu cầu bảo quản của từng loại mẫu; Có khu vực riêng để lưu giữ tạm thời các sản phẩm không đạt chất lượng trong quá trình chờ xử lý. Bên cạnh đó, người trực tiếp sản xuất phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm và được chủ cơ sở xác nhận, không yêu cầu phải có Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm theo chương trình do Bộ Công Thương quy định như quy định cũ.

Bảng 4
Các chỉ tiêu vĩ mô theo tháng

Chỉ tiêu/Tháng	2019M07	2019M08	2019M09	2019M10	2019M11	2019M12	2020M01	2020M02
GDP so với cùng kỳ năm trước (%)	-	-	7.31	-	-	6.97	-	-
GDP ytd so với cùng kỳ năm trước (%)	-	-	6.98	-	-	7.02	-	-
PMI	52.6	51.4	50.5	50.0	51.0	50.8	50.6	49.0
IIP so với cùng kỳ năm trước (%)	9.7	10.5	9.7	9.2	5.4	10.4	-5.5	23.7
IIP ytd so với cùng kỳ năm trước (%)	9.4	9.5	9.5	9.5	9.3	8.86	-5.5	6.2
Tổng doanh thu dịch vụ bán lẻ hàng hóa so với cùng kỳ năm trước (%)	12.4	12.4	12.7	13.3	12.6	11.4	10.2	6.0
Tổng doanh thu dịch vụ bán lẻ hàng hóa ytd so với cùng kỳ năm trước (%)	11.6	11.5	11.6	11.8	11.8	11.3	10.2	8.3
CPI so với tháng trước (%)	0.18	0.28	0.32	0.59	0.96	1.4	1.23	-0.17
CPI so với cùng kỳ năm trước (%)	2.44	2.26	1.98	2.24	3.52	5.23	6.43	5.40
FDI đăng ký (tỷ USD)	11.7	13.2	15.76	18.30	20.60	22.5	4.83	5.64
FDI giải ngân (tỷ USD)	10.6	12.0	14.2	16.20	17.60	20.4	1.60	2.50
Xuất khẩu (tỷ USD)	22.6	25.9	23.3	24.2	22.6	22.5	19.0	18.6
Nhập khẩu (tỷ USD)	22.4	22.5	21.7	22.4	22.5	22.3	19.1	18.5
Cán cân TM (tỷ USD)	0.2	3.4	1.6	1.8	0.1	0.2	-0.1	0.1
Tỷ giá (USD/VND)	23,292	23,284	23,266	23,262	23,260	23,218	23,200	23,294
Tăng trưởng tín dụng (%)	-	-	8.4	-	-	13.7	-	-

Nguồn: BSC Research

Thị trường chứng khoán tháng 2/2020

Tổng quan thị trường

Tháng 2 là một tháng biến động khá tiêu cực của thị trường. VN-Index ghi nhận đà giảm điểm mạnh trước diễn biến tiêu cực của dịch bệnh Sars-Cov-2. Hàng loạt các mã cổ phiếu thuộc nhiều nhóm ngành khác nhau đều giảm điểm với sự bán rông mạnh từ khối ngoại. Hiệu ứng thông tin từ dịch bệnh gây áp lực bán mạnh lên chỉ số VN-Index bất chấp thông tin ETF VN DIAMOND đã được cấp phép đưa vào hoạt động trong tháng 02. Tính đến ngày 28/02/2020, VN-Index chính thức giảm -54.4 điểm so với thời điểm cuối tháng trước (-6.2% MoM) và HNX-Index tăng +7.22 điểm (+7.0% MoM).

Xu hướng điều chỉnh mạnh diễn ra chủ yếu ở nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn. Trong tháng 2, sàn HSX có 126 cổ phiếu tăng, 246 cổ phiếu giảm và 7 cổ phiếu không đổi. 5 cổ phiếu hỗ trợ VN-Index gồm VPB tăng +21.2% (góp 3.4 điểm), CTG tăng +5.53% (góp 1.5 điểm), STB tăng +13.73% (góp 0.8 điểm), TCB tăng +3.01% (góp 0.7 điểm), FPT tăng +5.96% (góp 0.6 điểm). Các cổ phiếu khiến VN-Index giảm điểm mạnh nhất gồm VIC giảm -8.19% (giảm -9.3 điểm), SAB giảm -22.2% (giảm -8.7 điểm), BID giảm -11.7% (giảm -7.0 điểm), VHM giảm -8.11% (giảm -6.9 điểm) và VCB giảm -7.1% (giảm -6.8 điểm).

Bảng 6

Biến động 6 tháng gần nhất trên sàn HOSE

Tháng	Chỉ số	Khối lượng (tỷ đv)	Vốn hóa (nghìn tỷ đồng)
2	882.19	3.36	3,020.00
1	936.62	2.14	3,283.99
12	960.99	3.69	3,279.93
11	970.75	3.50	3,309.56
10	998.82	3.50	3,380.04
9	996.56	2.56	3,371.45

Nguồn: HSX, Bloomberg, BSC Research

Bảng 7

Biến động 6 tháng gần nhất trên sàn HNX

Tháng	Chỉ số	Khối lượng (tỷ đv)	Vốn hóa (nghìn tỷ đồng)
2	109.58	0.81	211.56
1	102.36	0.42	194.84
12	102.51	0.56	194.72
11	102.5	0.46	182.75
10	105.19	0.61	186.38
9	105.05	0.48	188.19

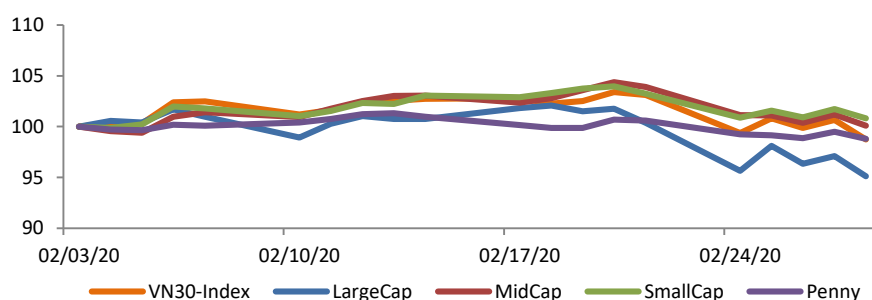
Nguồn: HNX, Bloomberg, BSC Research

Diễn biến nhóm cổ phiếu

Dòng tiền thị trường thoát khỏi nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn và duy trì nhịp tăng điểm nhẹ ở nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ. Trong tháng 02, thị trường chủ yếu được nâng đỡ bởi dòng tiền tìm đến nhóm Midcap và Smallcap. Phần lớn thời gian còn lại, các nhóm VN30, Largecap và Pennies đều chỉ ghi nhận mức tăng nhẹ hoặc chuyển sang giảm điểm khi tình hình về dịch Sars-Cov-2 chuyển biến ngày càng xấu. Đặc biệt trong tuần cuối tháng 02, lực bán mạnh diễn ra trên toàn thị trường khiến thị trường chỉ còn mức tăng nhẹ ở nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ. Cụ thể, LargeCap giảm -4.89%, MidCap tăng +0.09%, SmallCap tăng +0.82%, Pennies giảm -1.19%, và VN30 giảm -1.27%.

Đồ thị 9

Biến biến của các nhóm cổ phiếu

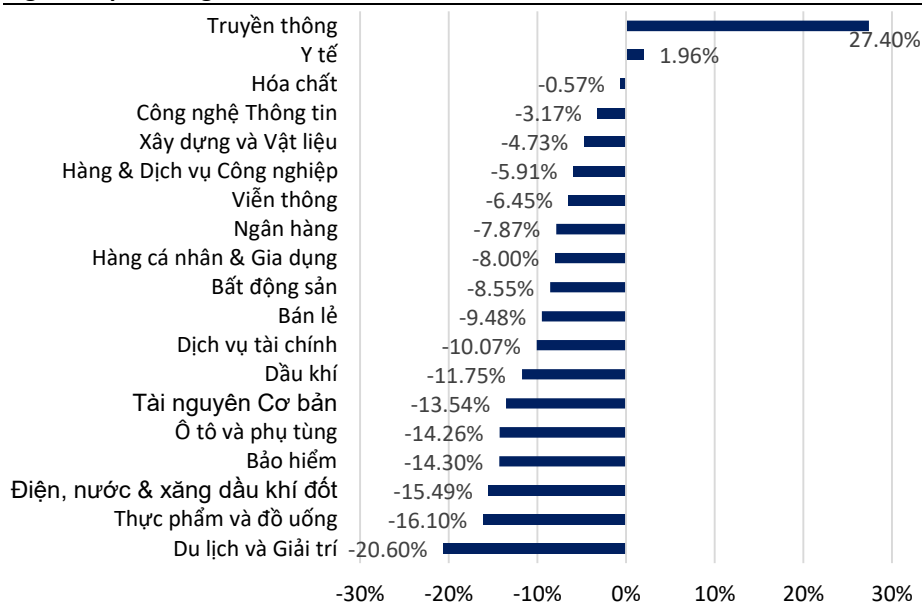


Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Trong tháng 2, thị trường chỉ có 2/19 ngành tăng điểm. Trong đó, Truyền thông tăng mạnh nhất với hiệu suất 27.41% do sự đóng góp của cổ phiếu YEG và IHK với mức tăng lần lượt là +62.2% và +18.99%. Nhóm giảm điểm mạnh nhất là Du lịch và giải trí do sự giảm sâu của HVN(-29.9%) và VJC (-16.8%).

Đồ thị 10

Ngành cấp 2 tháng 1 2020



Nguồn: Fiinpro, BSC Research

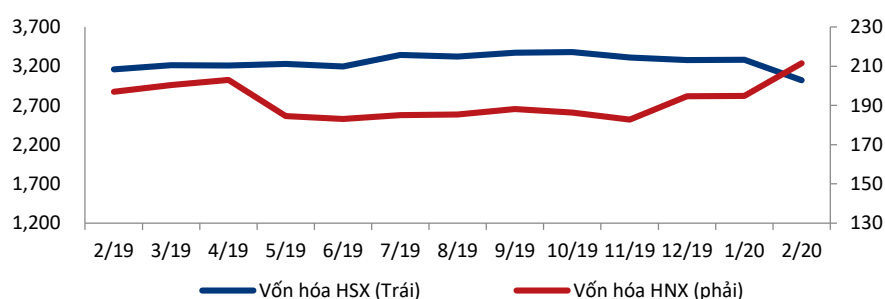
Quy mô vốn hóa

Vốn hóa trên cả 2 sàn đạt 3,231 nghìn tỷ đồng tương đương 139.3 tỷ USD giảm nhẹ -7.1% MoM. Sàn Upcom giảm mạnh xuống mức 860.9 nghìn tỷ cuối tháng 2. Tính trong tháng 2, trên sàn HOSE không có cổ phiếu niêm yết lần đầu, 228.83 triệu cổ phiếu niêm yết bổ sung và 28.1 triệu cổ phiếu hủy niêm yết; 14.8 triệu ETF niêm yết bổ sung và 5.6 triệu ETF hủy niêm yết; không có trái phiếu niêm yết bổ sung và trái phiếu hủy niêm yết; 18.1 triệu chứng quyền hủy niêm yết.

Về quy mô niêm yết trên sàn HOSE tại ngày 28/02, sàn đang niêm yết 88.84 tỷ cổ phiếu tương đương 888.45 nghìn tỷ đồng (95.62% giá trị thị trường), 349.2 triệu trái phiếu tương đương 34.9 nghìn tỷ đồng (3.76% giá trị thị trường), 486.7 triệu chứng chỉ ETF tương đương 4.97 nghìn tỷ đồng (0.53% thị trường).

Đồ thị 11

Vốn hóa thị trường



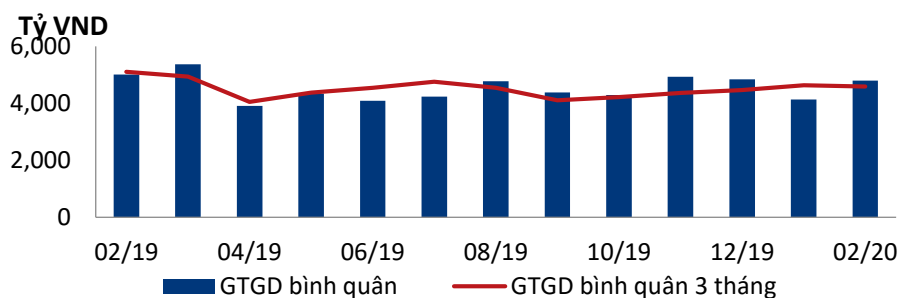
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Thanh khoản bình quân toàn thị trường

Thanh khoản bình quân trên 2 sàn tăng 15.8% so với tháng 01/2020, và đạt mức 4,793 tỷ đồng/phiên và tương ứng với gần 206.9 triệu USD/phiên. Thanh khoản tăng trở lại do thời gian thị trường mở cửa tăng so với tháng 01 và tâm lý lo lắng từ dịch Sars-Cov-2 đã đẩy mạnh xu hướng bán trên thị trường.

Đồ thị 12

Giá trị giao dịch bình quân



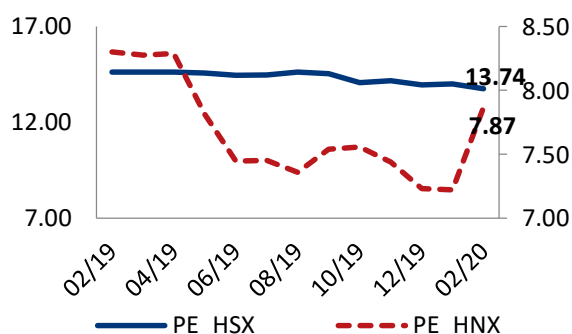
Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mặt bằng giá của TTCK VN

P/E của VN-Index giảm xuống mức 13.73 tương ứng -8.1% MoM và HNX-Index tăng trở lại mức 7.87 tương ứng +9.0% MoM. P/E của cả hai sàn đều đang ở vùng thấp trong vòng 4 năm qua. So với tháng 01, P/E của chỉ số VN-Index giảm xuống vị trí thứ 14 và HNX-Index giữ ở vị trí thứ 20 trong khu vực Châu Á.

Đồ thị 13

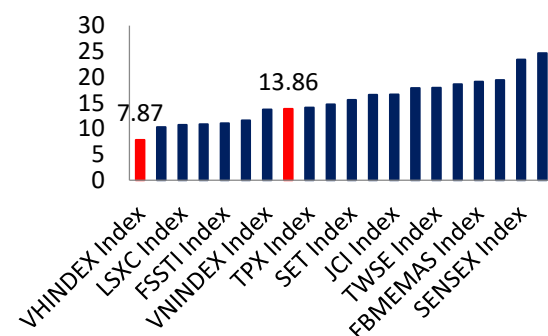
Diễn biến chỉ số P/E 2 sàn



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Đồ thị 14

Chỉ số P/E của VN so với các nước trong khu vực



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

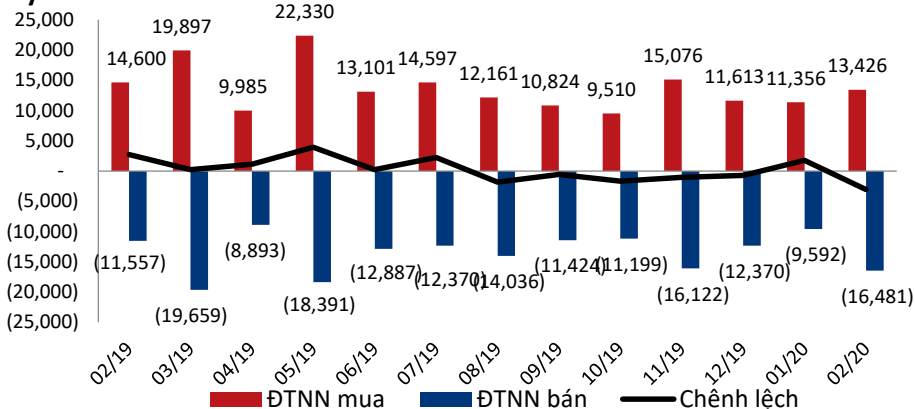
Giao dịch của khối ngoại

Khối ngoại bán ròng mạnh trong tháng 02. Tháng 02 cũng chứng kiến khối ngoại bán ròng trên sàn Upcom khi tổng giá trị bán ròng đạt 75.9 tỷ đồng, họ tập trung bán -59.0 tỷ đồng ACV và -20.6 tỷ đồng LPB trong khi mua ròng 14.0 tỷ đồng VEA và 20.3 tỷ đồng BSR.

Đồ thị 15

Diễn biến giao dịch khối ĐTNN trên 2 sàn

Tỷ VND



Nguồn: BSC Research

Trong tháng 02, khối ngoại bán ròng mạnh trên sàn HSX -2,813 tỷ đồng với 133 cổ phiếu mua ròng và 251 cổ phiếu bị bán ròng, bán ròng -242 tỷ đồng trên sàn HNX với 291 cổ phiếu bị bán và 76 cổ phiếu được mua. Trên sàn HSX, khối ngoại mua mạnh các mã HDB (85.6tỷ đồng), SBT (57.2 tỷ đồng), STB (38.9) tỷ đồng), và bán các mã MSN (-390.9 tỷ đồng), NVL (-244.5 tỷ đồng), VIC (-226.4 tỷ đồng). Trên sàn HNX, nhóm này tập trung bán PVS (-88.2 tỷ đồng), SHB (-76.0 tỷ đồng) và mua VCS (22.8 tỷ đồng), SLS (2.8 tỷ đồng).

Bảng 8

Top 10 cổ phiếu mua bán ròng trên HSX tháng 2

Mã	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Giá trị (tỷ đồng)
HDB	85.86	MSN	(390.92)
SBT	57.16	NVL	(244.51)
STB	38.95	VIC	(226.42)
DGW	34.06	SJS	(148.24)
VHM	33.48	BID	(134.96)
VRE	21.78	DXG	(113.16)
VJC	19.80	POW	(112.63)
NKG	11.43	SVC	(110.89)
SMB	10.11	KBC	(104.64)
PHR	9.04	HPG	(104.55)

Nguồn: BSC Research

Bảng 9

Top 10 cổ phiếu mua bán ròng trên HNX tháng 2

Mã	Giá trị (tỷ đồng)	Mã	Giá trị (tỷ đồng)
VCS	22.88	PVS	(88.15)
SLS	2.87	SHB	(75.97)
AMV	2.70	NTP	(39.65)
ART	2.45	DGC	(23.05)
NBC	1.80	SHS	(13.41)
NRC	1.45	NDN	(4.83)
PVC	1.08	PLC	(4.46)
LAS	1.01	TIG	(3.45)
TNG	0.86	CEO	(3.07)
WCS	0.78	HDA	(2.79)

Nguồn: BSC Research

Triển vọng thị trường tháng 02

Virus Covid – 19 đã nhanh chóng trở thành tâm điểm chú ý của thế giới trong tháng qua. Được phát hiện đầu tiên ở thành phố Vũ Hán của Trung Quốc tháng 12, Virus đã nhanh chóng lan rộng ra 51 quốc gia và vùng lãnh thổ. Dịch bệnh khiến hơn 83,000 người nhiễm và hơn 2,800 người tử vong trên toàn thế giới và phần lớn tại Trung Quốc. Diễn biến lây lan virus đột ngột phức tạp vào nửa cuối tháng 2 sau khi lan rộng tại quốc gia ngoài Trung Quốc như Hàn Quốc, Ý, Iran và tác động đến nhiều quốc gia trong đó có Mỹ đã gây ra tâm lý hoảng loạn trên TTCK và thị trường hàng hóa vào cuối tháng 2.

Thiệt hại từ virus không chỉ là thiệt hại về con người. Yếu tố tâm lý lo ngại dịch bệnh đang ảnh hưởng đến thói quen sinh hoạt người dân và tác động đến hầu hết các ngành nghề, đặc biệt đến chuỗi sản xuất toàn cầu. Trong khi các quốc gia cần thời gian thu thập dữ liệu để có thể đánh giá đầy đủ mức độ thiệt hại thì các tổ chức tài chính đã sớm đưa ra những dự báo sụt giảm tăng trưởng khác nhau. Điều này đã ảnh hưởng và hình thành tâm lý bất an trên thị trường tài chính.

TTCK Mỹ và các nước Châu Âu không bị chi phối bởi mức giảm của các nước tâm dịch trong 3 tuần đầu tháng 2. Tuy nhiên dịch bệnh lan tràn đã nhanh chóng kéo các thị trường này vào trạng thái hoảng loạn vào tuần cuối cùng của tháng. Các thị trường chủ chốt giảm trên 10% chỉ trong một tuần làm sụt giảm chỉ số MSCI các khu vực. Các chỉ số MSCI khu vực mới nổi, MSCI khu vực biên và Chỉ số MSCI các thị trường phát triển có mức giảm lần lượt -5.1% và -6.4% và -8.5%. Thị trường hàng hóa cũng chứng kiến mức sụt giảm -5.2%, đóng góp chủ yếu từ mức giảm -13.2% của giá dầu. Các kim loại quý như Vàng và Bạc thời gian đầu là chỗ trú ẩn an toàn tuy nhiên cũng quay đầu giảm vào cuối tháng qua đó ghi nhận mức giảm lần lượt -1% và -9% trong tháng 2.

TTCK Việt Nam tháng 2 nằm chung xu hướng thị trường khu vực và thế giới. Sau khi phục hồi và đi ngang từ vùng giá thấp, VN-Index tiếp tục giảm 5.8%, mức giảm chủ yếu diễn ra trong tuần cuối cùng của tháng 2. Việt Nam đang là một trong những quốc gia kiểm soát dịch bệnh hiệu quả tuy nhiên diễn biến tiêu cực thị trường thế giới và hoạt động bán ròng mạnh của khối ngoại đã tác động tiêu cực đến thị trường trong nước.

Trước diễn biến tiêu cực của dịch bệnh, BSC tập trung cập nhật thông tin, đánh giá và dự báo tác động ảnh hưởng qua 3 báo cáo: Báo cáo tác động Virus Corona ([Link](#)), Báo cáo dịch Covid-19 (báo cáo lần 2) ([Link](#)) và Báo cáo dịch SARC-Cov_2 (báo cáo lần 3) ([Link](#)). Chúng tôi thực hiện các báo cáo chia sẻ tầm nhìn cho nhà đầu tư như Báo cáo triển vọng ngành 2020 ([Link](#)), Báo cáo triển vọng ngành Ngân hàng ([Link](#)), ngành Bảo hiểm nhân thọ ([Link](#)). Nhiều cổ phiếu giảm sâu cũng là cơ hội cho hoạt động đầu tư dài hạn. Chúng tôi cũng thực hiện các báo cáo phân tích cơ hội đầu tư các cổ phiếu DHG ([Link](#)), DHG ([Link](#)), DGW ([Link](#)), DRC ([Link](#)), FPT ([Link](#)), VHC ([Link](#)), MWG ([Link](#)), AAA

([Link](#)), và VNM ([Link](#)), cập nhật nhanh 8 công ty qua iBroker ([Link](#)) cũng như cung cấp công cụ đầu tư qua i-Invest ([Link](#)).

Diễn biến dịch bệnh vẫn còn khá phức tạp và khó lường. Thông tin này vẫn là yếu tố tác động lớn đến triển vọng kinh tế, tâm lý thị trường và qua đó tác động lên các TTCK trong thời gian tới. Cùng với đó, những thông tin cũng có tác động đến thị trường trong tháng 3 như sau:

Dịch Virus Covid-19 đang ảnh hưởng đến các chỉ tiêu vĩ mô tháng 2, cũng như triển vọng tăng trưởng đặt ra những nhiệm vụ cấp thiết vừa chống dịch đồng thời hỗ trợ tăng trưởng. Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô đều sụt giảm trong tháng 2: (1) Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 2/2020 giảm 7.9% so tháng trước và chỉ tăng 8.3% trong 2 tháng, mức thấp nhất 2 tháng kể từ 2014; (2) Chỉ số toàn ngành công nghiệp chỉ tăng 6.2% so với mức tăng 9.2% cùng kỳ 2019; (3) Tổng vốn đầu tư FDI đến 20/2 giảm 23.6% so cùng kỳ 2019, trong đó FDI thực hiện giảm 5% và cũng là lần đầu từ 2016; (4) Chỉ số CPI giảm 0.17% so tháng trước nhưng CPI tháng 2 và bình quân 2 tháng vẫn tăng 5.4% và 5.9% so cùng kỳ và cũng là mức tăng cao nhất trong 7 năm. (5) Khách quốc tế giảm 37% so tháng 1 và giảm 21.8% cùng kỳ 2019. (6) Giá vàng tăng 2.7% và giá USD tăng 0.3% so tháng trước.

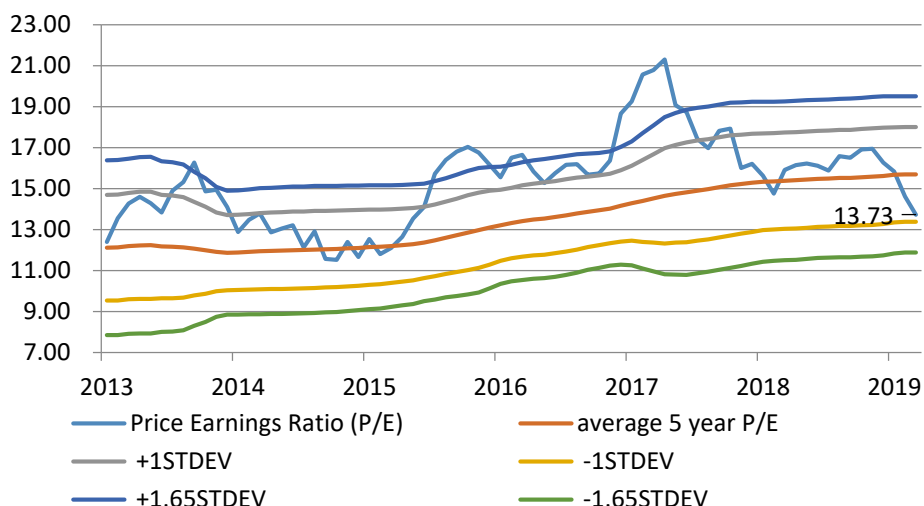
Trong Báo cáo đánh giá ảnh hưởng của virus Corona của Bộ KH-ĐT, Bộ nhận định dịch đã, đang và sẽ ảnh hưởng toàn diện đến tất cả các lĩnh vực kinh tế, xã hội của nước ta; ảnh hưởng tới tâm lý người dân trong xã hội, đặc biệt là lực lượng lao động, gây thiếu hụt lao động tức thời, gián đoạn chuỗi cung ứng và lưu chuyển thương mại, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Báo cáo cũng xây dựng 2 kịch bản tăng trưởng, theo đó GDP tăng 6.25% nếu khống chế dịch quý I và GDP tăng 5.96% nếu dịch khống chế trong quý II. Nhìn chung các tổ chức quốc tế và trong nước cũng nhận định mức độ ảnh hưởng đến GDP Việt Nam từ 0.5% đến 1% theo các kịch bản khác nhau. Trong báo cáo ngày 25/2, Fitch hạ dự báo tăng trưởng Việt Nam 0.5% xuống còn 6.3% trong năm 2020.

Các chỉ tiêu ổn định vĩ mô và các động lực tăng trưởng tháng 2 đều đang giảm sút và ảnh hưởng đến mục tiêu tăng trưởng của Việt Nam. Nếu Chính phủ muốn giữ mức tăng trưởng 6.8% thì những giải pháp đồng bộ hỗ trợ cả tổng cung và tổng cầu nền kinh tế, trong đó tập trung tháo gỡ khó khăn phục hồi sản xuất trước và sau dịch cần nhanh chóng thực thi. Trong bối cảnh lạm phát duy trì ở mức cao và cần tiếp tục kiểm soát, sử dụng chính sách nới lỏng tiền tệ chưa thể sử dụng thì những chính sách tài khóa gồm tháo gỡ rào cản quy định, đẩy mạnh đầu tư công cũng như giảm các loại thuế và phí hỗ trợ doanh nghiệp là điều cấp thiết.

Mặt bằng cổ phiếu giảm về mức thấp, chỉ số P/E và P/B của VN-Index về mức thấp cách đây 5 năm. Khối ngoại bán ròng hơn 120 triệu USD góp phần đẩy mặt bằng giá giá nhiều cổ phiếu giảm sâu trong tháng 2. P/E và P/B của VN-Index đã giảm lần lượt về 13.7 và 2.0 lần tương đương với mức định giá thời điểm 29/4/2016 khi chỉ số đang ở mức 600 điểm.

Đồ thị 16

Diễn biến chỉ số P/E của VN-Index từ 2013



Dịch Virus Covid-19 đã ảnh hưởng đáng kể đến kinh tế vĩ mô và chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến KQKD quý I cũng như triển vọng năm 2020. Thị trường cần số liệu KQKD quý I của doanh nghiệp để đánh giá và điều chỉnh mức dự báo tăng trưởng lợi nhuận toàn thị 10% trước đó. Dù vậy, mặt bằng giá và chỉ số P/E của VN-Index đang giảm về mức thấp trong 5 năm và thấp hơn 13% so với mức bình quân trong 5 năm. Chúng tôi cho rằng thị trường đang có dấu hiệu bị bán quá. Thị trường giảm sâu là cơ hội tốt phân bổ mua dần vào cổ phiếu cơ bản đang được định giá thấp tại thời điểm chưa có cơ sở để định giá chính xác và thị trường dẫn dắt bởi hành xử theo cảm tính.

Các quỹ ETFs đầu tư theo chỉ số VNFIN lead Index và VNDiamond Index được cấp phép. Sau một thời gian chờ đợi, UBCKNN đã cấp phép cho các quỹ ETFs đầu tư theo bộ chỉ số mới. Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD được cấp phép vào 24/2. Danh mục quỹ dựa trên chỉ số VNFIN LEAD gồm 12 cổ phiếu trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán với quy mô dự kiến 25 – 30 triệu USD. Sau đó 3 ngày, Quỹ VFMVN Diamond ETF cũng được cấp phép. Quỹ dựa trên chỉ số VN Diamond Index với 14 cổ phiếu hầu hết room khối ngoại. Theo thông tin thị trường thì quy mô quỹ ban đầu khoảng 36 triệu USD. Thời gian chào bán từ 3/3 đến 26/3 và dự kiến niêm yết trên Hose vào 15/5.

Sự ra đời các quỹ ETFs theo bộ chỉ số mới sẽ giải quyết một phần rào cản tỷ lệ sở hữu của khối ngoại tại những cổ phiếu đã hết room bằng hình thức sở hữu gián tiếp qua chứng chỉ quỹ. Các quỹ ETFs mới cũng kỳ vọng thu hút được phần vốn trong nước và nước ngoài hỗ trợ thị trường trong ngắn hạn.

Bảng 11

Các yếu tố ảnh hưởng đến thị trường trong tháng 3/2020:

Sự kiện	Tác động đến TTCK
Dịch bệnh Virus Covid-19 diễn biến phức tạp, khó lường và gia tăng tại các nước ngoài Trung Quốc.	Ảnh hưởng đến tâm lý và chuỗi sản xuất quốc tế
Kinh tế vĩ mô ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh cần những giải pháp đồng bộ Chính phủ hỗ trợ tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế.	Tác động tích cực

Mặt bằng cổ phiếu giảm về mức thấp trong 6 năm qua, thị trường có dấu hiệu bán quá.	Tích cực, hỗ trợ cho hoạt động đầu tư trung dài hạn
Hoạt động công bố KQKD quý I năm 2020 và mùa đại hội cổ đông thường niên.	Tích cực ngắn hạn
Các quỹ ETFs dựa trên bộ chỉ số VNFin lead Index và VNDiamond Index thực hiện chào bán.	Tích cực, tuy nhiên có độ trễ Thu hút dòng tiền ngoại
Các ETFs công bố cơ cấu danh mục quý I năm 2020.	Tăng thanh khoản cho thị trường
FED họp chính sách tiền tệ 18/3	Tùy thuộc trạng thái nền kinh tế. Tác động lớn đến TT.
Hoạt động rút vốn mạnh của khối ngoại trong tháng 2 và có thể kéo sang nửa đầu tháng 3	Tác động tiêu cực
Xung đột địa chính trị gia tăng tại Syria và các nguy cơ xung đột các nước vùng Vịnh.	Ảnh hưởng giá dầu, tác động cục bộ

Nguồn: BSC Research

VN-Index hồi phục từ vùng điểm thấp và phần lớn thời gian vận động từ 925 – 945 điểm trong tháng 2 như nhận định của chúng tôi. Tuy nhiên diễn biến tiêu cực của TTCK Mỹ và Châu Âu đã kéo theo nhịp bán tháo nhấn chìm nỗ lực hồi phục trước đó của chỉ số. VN-Index giảm nhanh về kiểm tra đáy ngắn hạn và tiếp tục hành trình dò đáy. Mặc dù diễn biến dịch bệnh phức tạp và khó dự báo, chúng tôi cho rằng VN-Index nói chung và các cổ phiếu nói riêng đang có dấu hiệu bán quá bởi yếu tố tâm lý. Dựa vào lịch sử TTCK phản ứng với diễn biến dịch bệnh trong quá khứ ([Link](#)), cũng như cân nhắc các yếu tố nội tại kinh tế và thị trường, chúng tôi giữ quan điểm cho rằng đợt giảm điểm này đang mở ra cơ hội lớn với hoạt động đầu tư trung hạn. VN-Index dự báo chịu áp lực giảm điểm trong 1 -2 tuần đầu tháng 3 và sẽ hồi phục lại trên 925 điểm. Thông tin hỗ trợ chính sách nếu có sẽ quyết định cường độ và cao độ của đợt hồi phục. Vùng vận động giá VN-Index tháng 12 từ 860 điểm - 970 điểm.

- Trường hợp tích cực, VN-Index phục hồi sau đợt bán tháo, tích lũy trên 925 điểm và có thể tăng dần trên 950 vào cuối tháng nếu có thông tin hỗ trợ.
- Trường hợp tiêu cực, VN-Index có thể đóng cửa dưới 873 điểm nếu diễn biến dịch bệnh tiêu cực và áp lực tiếp tục thoái vốn từ khối ngoại.

NGĐT có thể tham khảo một số chủ đề, và các báo cáo cập nhật trong các tháng:

- Nhóm ngành và cổ phiếu được chúng tôi đánh giá khả quan trong Báo cáo triển vọng Ngành năm 2020 ([Link](#)), Triển vọng ngành Ngân hàng ([Link](#));
- Nhóm cổ phiếu cải thiện mạnh và có triển vọng tích cực như Ngân hàng, Bán lẻ, công nghệ thông tin – bưu chính viễn thông;
- Nhóm cổ phiếu hưởng lợi từ dịch bệnh như Y tế, Dược;
- Các cổ phiếu Tiềm ích, cổ phiếu có tính phòng thủ cao và trả cổ tức cao;
- Về dài hạn, các cổ phiếu khuyến nghị của BSC sẽ được đề cập trong các Báo cáo triển vọng Ngành năm 2020, các cổ phiếu có chuyển biến tốt được khuyến nghị trong Báo cáo TVĐT hàng tuần ([Link](#)) và Báo cáo cập nhật ngành/doanh nghiệp ([link](#)).

* **18/21 danh mục** Chủ đề có hiệu suất tháng **tốt hơn VNINDEX**. Danh mục Cổ phiếu đầu ngành tài chính có mức hiệu suất tháng ấn tượng **1.0%**, con số này của VNINDEX là -8.1%

Cập nhật hiệu suất danh mục trên i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong tháng: Theme_Cổ phiếu đầu ngành tài chính_1.0%

Danh mục	Hiệu suất danh mục							Rủi ro ước tính
Chủ đề (click để xem báo cáo)								
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-2.1%	-3.7%	1.0%	5.2%	9.1%	5.4%	38.6%	19.4%
Ngành Dược	-0.8%	-1.9%	0.6%	-0.6%	4.2%	6.5%	39.4%	17.9%
VN FinSelect	-2.1%	-3.7%	0.5%	3.4%	6.6%	2.2%	32.3%	18.0%
Ngân hàng	-2.2%	-4.3%	0.1%	6.6%	11.9%	15.0%	78.2%	21.7%
VN Diamond	-2.1%	-2.9%	-0.6%	-0.6%	1.0%	9.2%	52.9%	17.2%
Cổ phiếu hết room ngoại	-1.8%	-2.8%	-2.3%	-3.0%	-1.7%	6.6%	53.9%	17.4%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	-0.8%	-2.2%	-2.4%	-2.9%	-4.7%	-0.3%	33.8%	14.6%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	-2.2%	-3.8%	-2.5%	1.0%	3.2%	18.9%	87.9%	19.4%
Hàng tiêu dùng	-2.3%	-4.4%	-3.9%	-11.8%	-13.9%	-11.4%	35.2%	17.6%
Lãi suất giảm	-2.2%	-5.6%	-4.1%	-4.9%	-9.2%	-9.4%	31.2%	17.9%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-1.9%	-3.7%	-4.4%	-5.5%	-4.2%	-1.5%	47.6%	15.5%
Top 10 cổ phiếu VN30	-2.4%	-4.5%	-5.3%	-7.8%	-8.2%	-7.6%	37.9%	14.8%
Xây dựng	-2.0%	-6.3%	-5.6%	-11.7%	-20.1%	-27.2%	-11.6%	18.4%
BĐS & Khu công nghiệp	-1.7%	-4.8%	-6.3%	-11.5%	-12.5%	-9.7%	30.8%	16.4%
Vật liệu Xây dựng	-1.9%	-4.9%	-6.4%	-7.8%	-6.8%	-6.1%	-5.4%	18.7%
Chiến tranh thương mại	-1.9%	-4.6%	-6.8%	-13.1%	-18.8%	-12.4%	-5.5%	15.7%
Bảo hiểm & Chứng khoán	-1.0%	-4.3%	-7.0%	-13.6%	-14.9%	-23.2%	22.3%	21.4%
Nước & Năng lượng	-1.1%	-4.4%	-7.6%	-12.2%	-13.5%	-12.5%	30.6%	14.6%
FTSE Việt Nam	-1.4%	-4.9%	-9.0%	-11.0%	-9.7%	-13.1%	64.6%	15.0%
MSCI frontier 100 Việt Nam	-1.7%	-5.8%	-9.1%	-12.8%	-11.6%	-14.7%	52.3%	13.9%
Dầu khí	-1.9%	-6.8%	-12.5%	-21.1%	-22.9%	-19.0%	-8.4%	22.8%

Mục tiêu

Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất tuần cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất tuần thấp nhất.

Danh mục 11	-2.2%	-4.3%	-3.1%	-1.9%	-0.8%	4.2%	43.5%	18.9%
Danh mục 14	-1.8%	-3.3%	-3.4%	-5.7%	-3.7%	6.1%	49.0%	16.1%
Danh mục 6	-2.1%	-4.8%	-3.5%	-3.8%	-3.8%	1.6%	56.9%	20.3%
Danh mục 5	-2.2%	-4.9%	-9.0%	-8.9%	-10.2%	-5.2%	48.2%	18.7%
Danh mục 18	-2.1%	-5.2%	-9.0%	-3.8%	-3.9%	-5.6%	82.5%	19.5%
* Note	15/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất tháng tốt hơn VNINDEX							

Khẩu vị Rủi ro

Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất tuần cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất tuần thấp nhất.

Danh mục 20	-1.8%	-2.7%	-3.7%	-6.8%	-4.3%	4.0%	63.4%	16.9%
Danh mục 21	-1.8%	-2.9%	-4.3%	-5.8%	-3.2%	3.7%	46.2%	15.9%
Danh mục 22	-1.8%	-3.6%	-4.4%	-3.1%	-1.3%	15.2%	58.8%	16.8%
Danh mục 23	-1.7%	-4.6%	-5.6%	-6.6%	-4.5%	-4.4%	39.2%	16.9%
Danh mục 24	-2.6%	-6.8%	-5.8%	-3.0%	-2.5%	3.9%	46.8%	19.2%
* Note	7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tháng tốt hơn VNINDEX							

INDEX

VNINDEX	-1.8%	-5.5%	-8.1%	-9.6%	-9.7%	-10.6%	24.6%	15.4%
VN30INDEX	-1.9%	-4.2%	-5.0%	-7.0%	-6.2%	-10.5%	24.5%	15.9%

Bloomberg: BSCV <GO>

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://www.bsc.com.vn//> | 23

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<https://www.bsc.com.vn>
<https://www.facebook.com/BIDVSecurities>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

